TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 173/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 6, ngày 13 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Văn V, sinh năm 1990

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Đà Nẵng

ĐCLL: đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Trương Thị Mộng T, sinh năm 1990

Địa chỉ: đường F, phường G, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

ĐCLL: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn V và bà Trương Thị Mộng T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung. Ông Lê Văn V và bà Trương Thị Mộng T thỏa thuận giao 01 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 13/01/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông V và bà T tự khai không có.

4. Về nợ chung: Ông V và bà T tự khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn V và bà Trương Thị Mộng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung. Ông Lê Văn V và bà Trương Thị Mộng T thỏa thuận giao 01 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 13/01/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Ông V và bà T tự khai không có.

- Về nợ chung: Ông V và bà T tự khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Tòa án là 300.000 đồng, ông V và bà T mỗi người phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0010699 ngày 08/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 178/2012 - Quyển số 02/2011 ngày 27/11/2012 của Ủy ban nhân dân phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng không còn hiệu lực kể từ ngày Tòa án ra quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Q.6;
- UBND P. A,
Q. B, Tp. Đà Nẵng;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ,Vp.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Bé Bảy